

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 2304/2022/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 23 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 3069/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. Ông Bùi Văn S, sinh năm: 1988;

Địa chỉ thường trú và cư trú: Tổ 20, khu phố H, phường Ph, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Dương Thị C, sinh năm: 1991;

Địa chỉ thường trú và cư trú: Tổ 20, khu phố H, phường Ph, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 03 tháng 11 năm 2022, ông S và bà C cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, Ông S và bà C thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 15/12/2022. Ông S, bà C cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Đơn yêu cầu của ông S, bà C được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Bùi Văn S và Bà C Thị Cúc chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã H, huyện V, tỉnh H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04 ngày 23/4/2013. Ông S và bà C xác định có 02(hai) con chung là cháu Bùi Dương Quỳnh Nh, sinh ngày 11/11/2013 và cháu Bùi Đức Tr, sinh ngày 13/01/2018. Ông S, bà C thống nhất giao cháu Như cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Trí cho bà C nuôi dưỡng. Cả hai không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông S, bà C xác định tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống ông S, bà C thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông S, bà C xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy ông S, bà C thực sự tự nguyện ly hôn; sự thỏa thuận của ông S, bà C đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con; phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông S, bà C.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn S và bà Dương Thị C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông S, bà C xác định 02 con chung là cháu Bùi Dương Quỳnh Nh, sinh ngày 11/11/2013 và cháu Bùi Đức Tr, sinh ngày 13/01/2018. Ông S, bà C thống nhất giao cháu Như cho ông S nuôi dưỡng, giao cháu Trí cho bà C nuôi dưỡng. Tạm thời, ông S, bà C không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S, bà C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông S và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông S và bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Văn S và bà Dương Thị C mỗi người phải chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí ông S, bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004942 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; ông S, bà C đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh H ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ